TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2026/QĐST- DS	*Hải Phòng, ngày 12 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 257/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2025;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ: Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bàn Cờ, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh N, nhân viên xử lý nợ Ngân hàng T (Giấy uỷ quyền số 2983/UQ-CNTL.25 ngày 08/8/2025).

- Bị đơn: Ông Phạm Minh N, sinh năm 1995; căn cước công dân số 031095004945 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1995; căn cước công dân số 031195011936; cùng cư trú tại: Tổ dân phố Đình Trà Sơn, phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Phạm Minh N và bà Nguyễn Thị Y có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng T tổng số tiền nợ tính đến ngày 04/3/2026 là 3.957.347.776 đồng (Ba tỷ, chín trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy sáu đồng),

trong đó: Số tiền nợ gốc là 3.484.313.652 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 106.347.073 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 351.342.921 đồng, số tiền lãi chậm trả là 15.344.130 đồng theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng T và ông Phạm Minh N, bà Nguyễn Thị Y. Cụ thể như sau:

- Số tiền nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng số: THA.CN.5016.041124 ngày 12/11/2024 là 2.289.789.297 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 42.383.562 đồng; số tiền nợ lãi quá hạn là 243.473.973 đồng; số tiền lãi chậm trả là 3.931.762 đồng;

- Số tiền nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng số: THA.CN.5018.041124 ngày 12/11/2024 là 1.667.558.479 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 1.484.313.652 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn là 63.963.511 đồng; số tiền nợ lãi quá hạn là 107.868.948 đồng; số tiền nợ lãi chậm trả: 11.412.368 đồng.

- Phương án trả nợ cụ thể như sau:

+ Tháng 3 và tháng 4 năm 2026, mỗi tháng ông Phạm Minh N và bà Nguyễn Thị Y phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng.

+ Chậm nhất đến hết ngày 29/5/2026, ông Phạm Minh N và bà Nguyễn Thị Y phải thanh toán trả toàn bộ khoản nợ gốc và nợ lãi còn lại cho Ngân hàng T.

Kể từ ngày 05 tháng 3 năm 2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông Phạm Minh N và bà Nguyễn Thị Y còn phải chịu số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Phạm Minh N và bà Nguyễn Thị Y vi phạm nghĩa vụ trả nợ một tháng bất kỳ hoặc đến hết ngày 29/5/20226 không thanh toán trả hết số nợ gốc và nợ lãi theo phương án trả nợ nêu trên thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ, thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số THA.BĐCN.348.041124 ngày 02/11/2024 ký kết giữa ông Phạm Minh N và bà Nguyễn Thị Y - bên thế chấp và Ngân hàng T - bên nhận thế chấp. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 66, địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố Tân Hợp, phường Tân Thành, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng (nay là phường Dương Kinh, thành phố Hải Phòng)

theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 771000, số vào sổ cấp GCN: CH2092/Q2 do Ủy ban nhân dân quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/10/2019 cho ông Cao Văn T và vợ là bà Hoàng Thị H. Ngày 17/11/2023, đã chuyển nhượng cho ông Phạm Minh N theo hồ sơ số 000597.CN.003 tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hải Phòng, chi nhánh quận Dương Kinh.

Sau khi phát mại tài sản bảo đảm, nếu số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng còn thừa thì trả lại cho ông Phạm Minh N và bà Nguyễn Thị Y; nếu thiếu thì ông Phạm Minh N và bà Nguyễn Thị Y phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng.

2.2. Về án phí: Ong Phạm Minh N và bà Nguyễn Thị Y nhận nộp cả án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 55.574.000 đồng (đã làm tròn số). Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 52.200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004866 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1 - Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Lưu: HCTP, Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hà